

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 135d/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/TB-TA, ngày 17 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 366/TB-TA, ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH bảo vệ thực vật L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn H, Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp 26/3 xã P.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn H, Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/4/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Phan Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH bảo vệ thực vật L trình bày:

Công ty TNHH bảo vệ thực vật L (gọi tắt là công ty) có thỏa thuận mua bán thuốc bảo vệ thực vật với ông Võ Văn H là người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp 26/3 xã P (gọi tắt là hợp tác xã), việc mua bán không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận, hình thức mua bán như sau: Công ty bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật cho hợp tác xã, hợp tác xã sẽ trả tiền mua hàng cho công ty vào cuối mỗi vụ (03 tháng thanh toán 01 lần). Việc mua bán bắt đầu từ ngày 03/10/2016 cho đến ngày 08/12/2016. Ngày 24/01/2017, hai bên tiến hành xác nhận công nợ thì số tiền mà hợp tác xã còn thiếu là 144.135.000 đồng. Ngày 26/01/2017, ông H đại diện cho hợp tác xã trả được số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 142.135.000 đồng.

Đến ngày 16/12/2017, hợp tác xã trả lại cho công ty số hàng hóa còn tồn có giá trị theo công ty tính ra là 47.800.000 đồng, công ty đồng ý trừ số tiền trả hàng vào số tiền còn nợ, do đó hợp tác xã sẽ còn nợ lại 94.335.000 đồng. Ngoài số tiền trên thì ngày 25/11/2016, hợp tác xã có nhận thêm số hàng hóa có giá trị là 8.100.000 đồng chưa thanh toán nhưng quên tính vào bảng đối chiếu công nợ ngày 24/01/2017. Như vậy hợp tác xã còn nợ công ty số tiền 102.435.000 đồng.

Nay công ty yêu cầu hợp tác xã trả số tiền mua hàng hóa còn nợ được làm tròn 102.000.000 đồng, đồng ý giảm số tiền nợ có lẽ 435.000 đồng và tiền lãi do chậm trả, mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 29/3/2017 đến ngày 29/9/2021 là 45.807.000 đồng nhưng chỉ làm tròn thành số tiền 45.000.000 đồng, đồng ý giảm số tiền lãi có lẽ 807.000 đồng, tổng cộng phải trả 147.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn là hợp tác xã thì suốt quá trình tố tụng đều không tham gia, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ mua hàng hóa và tiền lãi do chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng mua bán hàng hóa, địa chỉ của bị đơn tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Võ Văn H là người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng hóa còn nợ 102.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả, mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 29/3/2017 đến ngày 29/9/2021, được làm tròn thành số tiền 45.000.000 đồng, tổng cộng phải trả 147.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu trả số tiền mua hàng hóa còn nợ 102.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là hợp tác xã biết nội dung vụ kiện để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tuy nhiên, từ khi thụ lý đến nay, bị đơn đều không có văn bản nộp (gửi) cho Tòa án cũng như không tham gia các phiên họp, hòa giải và cũng không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét, như vậy được xem là bị đơn không phản đối những tình tiết, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ kiện. Theo đó có căn cứ xác định từ tháng 10/2016, giữa công ty là nguyên đơn với hợp tác xã là bị đơn có thỏa thuận mua bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật, việc mua bán không lập hợp đồng, hình thức mua bán là công ty bán và giao hàng cho hợp tác xã, hợp tác xã nhận hàng và sẽ thanh toán số tiền mua hàng cho công ty vào cuối mỗi vụ hoặc trả lại hàng hóa. Ngày 24/01/2017, hai bên tiến hành xác nhận công nợ thì số tiền mà hợp tác xã mua hàng hóa tổng cộng là 144.135.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày này, công ty có nộp 01 Bảng chi tiết công nợ 2016 - 2017, ghi ngày lập 24/01/2017, ghi tên bên mua hàng là “HTX 26/3”, địa chỉ xã P. Trong đó ghi cụ thể ngày, tên sản phẩm, số lượng, giá, thành tiền và tổng kết nợ là 144.135.000 đồng, có chữ ký xác nhận ghi tên Võ Văn H. Như vậy, có căn cứ xác định việc mua bán giữa hai bên là có thật và đến ngày 24/01/2017, bên bị đơn còn nợ số tiền mua hàng hóa là 144.135.000 đồng.

[5] Ngoài ra nguyên đơn còn trình bày ngoài số tiền nêu trên thì ngày 25/11/2016, hợp tác xã có nhận thêm số hàng hóa có giá trị là 8.100.000 đồng chưa thanh toán. Để chứng minh cho yêu cầu này thì phía nguyên đơn cung cấp 01 giấy A4, có nội dung ghi ngày giao hàng, tên sản phẩm, số lượng, giá bán và thành tiền, có chữ ký nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, trong nội dung bảng chi tiết công nợ mà

hai bên đối chiếu ngày 24/01/2017 có thể hiện ngày cuối mua bán là 08/12/2016, tức là sau ngày 25/11/2016. Đến ngày 24/01/2017 là sau ngày mua bán cuối cùng hơn 01 tháng, hai bên mới đối chiếu công nợ thì không có ghi nhận số tiền mua bán ngày 25/11/2016. Hơn nữa, tại phiên tòa anh H đại diện cho nguyên đơn trình bày Bảng chi tiết công nợ ngày 24/01/2017 là chứng cứ duy nhất để xác định quá trình mua bán giữa hai bên, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Nay lại yêu cầu trả số tiền mua bán ngày 25/11/2016 là không chưa phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra. Do đó, nay nguyên đơn cho rằng ngoài khoản tiền nợ 144.135.000 đồng thì đến ngày 24/01/2017, hợp tác xã còn nợ một khoản 8.100.000 đồng, yêu cầu trả là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Sau khi đối chiếu công nợ thì ngày 26/01/2017, hợp tác xã trả được số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 16/12/2017, hợp tác xã trả lại cho công ty số hàng hóa còn tồn có giá trị theo công ty tính ra là 47.800.000 đồng, công ty đồng ý nhận và trừ vào số tiền mua hàng còn nợ. Do đó, nay có căn cứ xác định hợp tác xã còn nợ lại 94.335.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hợp tác xã trả số tiền mua hàng hóa còn nợ được làm tròn là 102.000.000 đồng là chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền 94.335.000 đồng theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[7] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 45.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xác định thời điểm để tính lãi do chậm thanh toán là sau 03 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng 08/12/2016 tức là ngày 08/3/2017, nhưng để làm tròn thì yêu cầu tính lãi từ ngày 29/3/2017. Tuy nhiên việc xác định thời điểm như trên là chưa có căn cứ bởi lẽ, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào xác định hai bên thỏa thuận thời điểm phải thanh toán tiền mua hàng hóa. Bên cạnh đó, từ ngày 26/01/2017 là ngày hợp tác xã trả một phần nợ đến ngày 16/12/2017, hợp tác xã trả một phần hàng hóa là hơn 10 tháng, công ty cũng đồng ý nhận lại và đồng ý trừ vào số tiền mua hàng còn nợ chứ không đề cập gì đến nghĩa vụ phải trả tiền lãi. Hơn nữa, tại phiên tòa, nguyên đơn cũng trình bày khi thỏa thuận mua bán đến nay giữa hai bên đều không thỏa thuận lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng trình bày từ ngày 16/12/2017 đến nay đã liên hệ yêu cầu hợp tác xã trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả nên mới nộp đơn khởi kiện vào ngày 24/4/2020. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ xác định thời gian bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là từ ngày 24/4/2020.

[8] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu về lãi suất, theo đó chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm. Qua kết quả khảo sát mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định Điều 306 Luật Thương mại 2005, được hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận. Do đó, số tiền lãi mà hợp tác xã phải trả ($94.335.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}$) được làm tròn là 16.194.000 đồng. Như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán là 16.194.000 đồng.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vốn còn nợ là 94.335.000 đồng và tiền lãi là 16.194.000 đồng, tổng cộng 110.529.000 đồng.

[10] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005 để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như đã phân tích.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì hợp tác xã là bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn là công ty phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận (147.000.000 đồng - 110.529.000 đồng = 36.471.000 đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005;
- Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp 26/3 xã P trả cho Công ty TNHH bảo vệ thực vật L số tiền 110.529.000 đồng (Một trăm mười triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp 26/3 xã P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.526.000 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Công ty TNHH bảo vệ thực vật L phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.225.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012300 ngày 02/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, Công ty TNHH bảo vệ thực vật L còn được nhận lại số tiền 1.225.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo